

### 33. Khuyến dụ sách tấn (勸諭策進)

Phẩm trên đã chỉ rõ những điểm thù thắng siêu tuyệt, tịnh định, an lạc của cõi Cực Lạc nhằm làm cho chúng sanh ưa thích, hâm mộ, phát nguyện cầu sanh; phẩm này nói lên những điều tệ ác cõi Sa Bà:

- Chúng sanh chường nặng, ba độc lừng lẫy.

- Do Si Hoặc nên tạo nghiệp, khổ báo vô tận, chìm đắm trong biển khổ, đau đớn không cách gì diễn tả nổi.

Vì thế, Phật thương xót khuyên bảo nên chán lia. Phật dạy răn, khuyên lơn chúng sanh nên dứt ác làm lành, tinh tấn hành đạo, cầu sanh An Lạc.

#### Chánh kinh:

世人共爭不急之務，於此劇惡極苦之中，勤身營務，以自給濟。尊卑、貧富、少長、男女，累念積慮，為心走使。無田憂田，無宅憂宅，眷屬財物，有無同憂。有一少一，思欲齊等，適小具有，又憂非常。水火盜賊，怨家債主，焚漂劫奪，消散磨滅。心慳意固，無能縱捨。命終棄捐，莫誰隨者。貧富同然，憂苦萬端。

*Thế nhân cộng tranh bất cấp chi vụ, u thử kịch ác cực khổ chi trung, cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế, tôn ty, bần phú, thiếu trưởng, nam nữ, lữ niệm tích lự, vị tâm tẩu sử, vô điền ưu điền, vô trạch ưu trạch, quyến thuộc tài vật, hữu vô đồng ưu. Hữu nhất thiếu nhất, tư dục tề đẳng. Thích tiểu cụ hữu, hựu ưu phi thường, thủy hỏa đạo tặc, oán gia trái chủ, phần phiêu kiếp đoạt, tiêu tán ma diệt. Tâm xan ý cố, vô năng túng xả. Mạng chung khí quyên, mạc tùy tùy giả, bần phú đồng nhiên, ưu khổ vạn đoan.*

Người đời cùng tranh giành những chuyện không cần gấp. Trong chỗ khổ sở, ác độc cùng cực, đem thân siêng gắng lo toan để tự châu cấp. Sang hèn, nghèo giàu, nhỏ lớn, nam nữ, lo lắng chất chồng, bị cái tâm sai khiến. Không ruộng lo ruộng, không nhà lo nhà, quyến thuộc, tài vật, có hay không đều lo. Có một phần bèn

thấy thiếu một phần, lo muốn cho bằng được người. Nếu có đôi chút, lại lo vô thường, nước, lửa, trộm cướp, oán gia trái chủ, đốt, trôi, cướp, đoạt, tiêu tan mòn diệt. Tâm keo ý chắc, chẳng thể buông bỏ. Mạng hết vớt sạch, ai mang theo được? Giàu nghèo đều vậy, lo khổ muôn mối.

### Giải:

Trong đoạn kinh này, trước hết đức Phật chỉ rõ: Toàn bộ chúng sanh cõi này đều bị phiền não, khuyên lơn chúng sanh nên nhầm lìa.

“*Thế nhân cộng tranh bất cấp chi vụ*” (Người đời cùng nhau đua chen những chuyện không cần gấp): Người đời cùng cạnh tranh với nhau những chuyện thế tục không quan trọng, khẩn yếu, chẳng trọng đại sự cấp bách nơi bản thân, chẳng biết vô thường nhanh chóng, sanh tử là việc lớn; chỉ tham danh lợi nên sàu khổ muôn bề, chẳng biết lúc nào thoát khỏi.

Sách Hội Sớ nói: “*Phàm vật thì có gốc, ngọn; việc có gấp, hoãn. Chỉ nên coi một đại sự là nhiệm vụ cấp bách trước hết. Ví như người vào trong tòa thành lớn, trước tiên phải kiếm chỗ ở yên, rồi mới ra tay làm lụng. Đến khi chiều tà tắm tối, còn có chỗ nghỉ đêm. ‘Trước hết kiếm chỗ ở yên’ chính là tu Tịnh Độ; ‘đến khi chiều tà tắm tối’ chính là đại hạn xảy đến (chết). ‘Có chỗ nghỉ đêm’ là sanh trong hoa sen, chẳng lạc vào nẻo ác. Vậy mà người ta cứ lo là đối với việc gấp như lửa cháy, hỏi há lo liệu việc chẳng gấp rút gì. Khi mạng người sắp hết, dẫu hỏi ích chi?”*

“*Kịch ác cực khổ*”: “*Kịch*” (劇) là rất, hết mức. Phẩm Trược Thế Ác Khổ có câu: “*Duy thử ngũ ác thế gian, tối vi cực khổ*” (Chỉ có mỗi thế gian có năm sự ác này là khổ sở nhất) và: “*Như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, thí như đại hỏa, phần thiêu nhân thân*” (Năm sự ác, năm sự đau đớn, năm sự đốt cháy như thế ví như lửa lớn thiêu đốt thân người). Ác là nhân, khổ là quả. Giết chóc, trộm cắp, nói dối, uống rượu là những điều rất ác. Hễ tạo ác ắt phải chịu quả ác nên những điều ấy được gọi là “*ngũ thống, ngũ thiêu*” như lửa đốt thân nên bảo là “*cực khổ*” (khổ sở cùng cực).

Sách Hội Sớ còn nói: “*Hùng hực nung người đời như đồng lửa nên bảo là kịch ác cực khổ*”.

Sách Hội Sớ giảng câu “*cân thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế*” (vắt vả làm lụng, lo toan để tự nuôi thân) như sau:

“Doanh (營) là lo toan, đổ sức vào việc gì gọi là Vụ (務). Thân siêng năng, vất vả làm những điều ấy gọi là ‘cần thân’ (勤身). Cấp (給) là làm cho đủ; khiến cho đồ vật được đầy đủ, dư dả là Cấp. Cấp còn có nghĩa là cung cấp. Tế (濟) là vượt qua”. Do đó, câu “cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế” có nghĩa là: Nhọc nhằn, vất vả cái thân, toan tính, làm lung để mình được đầy đủ, no ấm cho qua khỏi cái kiếp này. Như Hội Sớ viết: “Sĩ nông công thương, vì chu cấp cho bản thân, nên nói là ‘dĩ tự cấp tế’. Cấp là cung cấp. Tế là lo liệu đầy đủ”.

Câu “tôn, ty, bản, phú, thiếu, trưởng, nam, nữ” (sang, hèn, nghèo, giàu, trẻ, già, trai, gái) chỉ hết thấy các loại người trong đời. Người có địa vị cao quý trong đời là Tôn (尊), địa vị thấp là Ty (卑). Lắm của là Phú (富), ít của là Bản (貧). Nhỏ tuổi là Thiếu (少), lớn tuổi là Trưởng (長). Trai, trai, gái, gái bao hạng sai khác, nhưng chẳng ai lại không cùng ôm tấm lòng ngu si, tham dục, lao tâm khổ tứ, lo nghĩ chắt chò, bôn ba, nhọc nhằn chẳng lúc nào yên. Bởi thế, Phật mới bảo: “Lữ niệm tích lự, vị tâm tẩu sử” (Lo toan chòng chắt, bị cái tâm sai khiến).

Ngài Nghĩa Tịch bảo: “Lo mãi chuyện đã qua, lo hoài chuyện chưa tới nên bảo là ‘lữ niệm tích lự’. Thường bị dục tâm lôi kéo khiến chộn rộn, bôn ba nên bảo là ‘vị tâm tẩu sử’ (bị cái tâm sai khiến)”. Ý Ngài nói: Nghĩ nhớ chuyện quá khứ thì là “lữ niệm”, lo lắng cho tương lai là “tích lự”. Vì thế, tâm niệm ấy chẳng lúc nào an vì hễ tâm có điều gì mong muốn thì thân phải nhọc nhằn theo. Ví dụ như: Lòng muốn sắm sửa vật mình yêu thích thì nào ngại bung bê, khuân vác bẻ bộn, bôn ba sửa soạn; cho nên kinh mới nói là: “Vị tâm tẩu sử” (Bị cái tâm sai khiến); chỉ vì tâm ham muốn mà phải chạy vạy.

Ngài Gia Tường dùng câu “tâm chất chứa tài sản chẳng buông bỏ” để giảng câu “lữ niệm tích lự”, dùng câu “siêng cầu chẳng ngơi” để giảng câu “vị tâm tẩu sử”. Ý Ngài nói: Những điều canh cánh trong tâm niệm chỉ toàn là tài vật, cho nên “lữ niệm tích lự”. Lắm lắm mong cho có nên thân tâm chẳng an, đầy gọi là “vị tâm tẩu sử” (bị cái tâm sai khiến).

Ngài Cảnh Hưng lại giảng: “Vị tâm tẩu sử là như con nai khát nước chạy đuổi theo bóng nắng gợn, kẻ mắt kéo màng thấy hoa đóm lãng xăng trên không, đều do cái tâm thấm đẫm nước ái, chẳng rõ hoa đóm là bệnh nên cứ đuổi quàng theo”. Bóng nắng gợn (dương diệm) chính huyền ảnh xuất hiện trong sa mạc, nhìn xa tưởng là chỗ có nước.

Những con nai, con ngựa bị khát, tâm thèm nước thiết tha nên cứ đuổi theo tìm uống, nhưng chỉ phí công. Lại như người mắt bệnh kéo màng, ngõ trên hư không có những đóm sáng bay lẩn vẩn (hoa đóm) toan chụp bắt, chẳng biết vốn chẳng có hoa đóm, nên mới bảo là “*vị tâm tẩu sử*”. “*Tẩu sử*” nói thông tục là bôn ba, nhọc nhằn.

Cả một đoạn dài từ câu “*vô điền ưu điền*” (không ruộng lo ruộng) cho đến “*ưu khổ vạn đoan*” (ưu khổ muôn mối) là để giảng rõ ý “*lữ niệm tích lự*”. “*Quyến thuộc*” là người trong nhà, thân thuộc, tôi tớ v.v... “*Tài vật*” là gia tài, sản nghiệp, các vật dụng để sinh sống. Những thứ nói trên đều là những điều khiến ta phải lo lắng. Chưa có thì muốn, lo sao cho có; nhưng có rồi lại sợ mất đi, nên lại lo hơn nữa, cũng vẫn là lo lắng hết như nhau. Bề dục khó lập bằng, lo được, lo mất nên mới nói: “*Hữu vô đồng ưu*” (Có hay không có đều lo cả).

“*Hữu nhất thiếu nhất, tư dục tề đẳng*” (Có một phần lại thấy thiếu một phần, lo muốn cho bằng được người ta): Ví như kẻ đã có được tài khoản một vạn đồng, thấy người khác có đến hai vạn, liền nghĩ cách sao cho có được một vạn nữa. Đã có một cái TV, thấy người ta có hai cái liền muốn mình có thêm cái nữa cho bằng người ta. Muốn mà chưa được thì lại sanh lo buồn. Thỏa nguyện rồi cũng chẳng hết lo nghĩ; bởi ham muốn không cùng nên vĩnh viễn lo lắng không dứt.

Vừa mới có được một chút lại toan khư khư giữ lấy, sợ gặp tai biến, lo mất mát đi, nên kinh mới nói: “*Thích tiểu cụ hữu, hựu ưu phi thường*” (Vừa được chút ít lại lo vô thường). “*Phi thường*” chính là những tai họa bất thường được kinh nêu tiếp ngay sau câu trên (tức là câu “*thích tiểu cụ hữu, hựu ưu phi thường*” (vừa có một chút, lại lo vô thường)) như các họa hoạn nước trôi, lửa cháy, đạo tặc cướp đoạt... “*Thủy, hỏa*” (水火) là thủy tai, hỏa tai, “*đạo tặc*” (盜賊) là cái họa cướp đoạt, trộm cắp. “*Oán gia*” (怨家) là những kẻ kết oán với mình. “*Trái chủ*” (債主) là những người mình thiếu nợ chưa trả.

Các điều như trên đều là những tai họa thành linh phát sanh, như lửa có thể đốt cháy rụi, nước cuốn trôi mất, kẻ cướp cướp đoạt, kẻ trộm cuỗm mất, oán gia báo cừu, chủ nợ xiết nợ. Thậm chí trong khoảnh khắc chẳng còn một thứ gì là của mình nữa, cái giàu sang ngày trước đột nhiên chẳng còn sót lại chút gì nên bảo là “*phân phiêu kiếp đoạt, tiêu tán ma diệt*” (đốt, trôi, cướp đoạt, tiêu tan, mòn diệt). Sách Hội Sớ nói: “*Phân (焚) là đốt cháy, là các nạn như chiến tranh tàn phá, hỏa tai bất*

ngờ... ‘Phiêu’ (漂) là cuốn trôi, là các nạn như nước lũ, sóng gió... ‘Kiếp đoạt’ (劫奪) là nạn đao tặc. Bị oan gia làm cho tiêu tan, bị chủ nợ làm cho mòn diệt”.

Người đời “tâm xan, ý cố” (tâm keo, ý chắc) nghĩa là người đời tâm lòng keo kiệt đến mức ngoan cố. Tài vật mà bị mất thì trong lòng càng thêm phần hận, lo buồn, oán hận, sầu khổ, không thể rảnh trí nổi, nên kinh mới nói: “*Vô năng túng xả*” (Chẳng thể buông bỏ nổi).

Bốn câu từ “*mạng chung khí quyền*” (mất mạng là mất hết) trở đi phiếm chỉ hết thầy người đời. Lúc lâm chung, hết thầy tài vật quyền thuộc yêu dấu đã tích cóp đều phải buông bỏ hết; một mình mình đến, một mình mình đi, không ai bầu bạn. Dầu người mình thương yêu nhất cam chịu chết cùng một lúc với mình thì cũng chẳng thể đến cùng một chỗ! Nghiệp nhân bất đồng, quả báo ngàn lần sai khác, nên mỗi người sẽ sanh về một chỗ khác nhau. Bởi thế kinh dạy: “*Mạc tùy tùy giả*” (Không có ai theo).

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên có dạy: “*Thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na, nhất thiết chư căn tất giai tán hoại, nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly, nhất thiết oai thế tất giai thoái thất, phụ tướng, đại thân, cung thành, nội ngoại, tượng mã, xa thặng, trân bảo phục tạng, như thị nhất thiết vô phục tương tùy*” (Người ấy lúc lâm chung, trong sát-na cuối cùng, hết thầy các căn thầy đều tan hoại, hết thầy thân thuộc đều lìa bỏ, hết thầy oai thế thầy đều tan mất. Phụ tướng, đại thân, cung thành trong ngoài, voi, ngựa, xe cộ, kho tàng của báu, hết thầy những thứ như vậy chẳng có thứ nào theo mình). Đoạn kinh ấy có cùng ý nghĩa với đoạn kinh ở đây.

Thường nghe: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (Mọi thứ không mang được, chỉ còn nghiệp theo thân); bất luận giàu nghèo, không ai là chẳng giống vậy, ai nấy ưu khổ vô tận nên kinh mới nói là: “*Ưu khổ vạn đoan*” (Ưu khổ muôn mối).

### **Chánh kinh:**

世間人民，父子兄弟夫婦親屬，當相敬愛，無相憎嫉。有無相通，無得貪惜。言色常和，莫相違戾。或時心諍，有所恚怒。後世轉劇，至成大怨。世間之事，更相患害，雖不臨時，應急想破。

*Thế gian nhân dân, phụ tử, huynh đệ, phu phụ, thân thuộc, đương tương kính ái, vô tương tăng tật. Hữu vô tương thông, vô đắc tham tích. Ngôn sắc thường hòa, mặt tương vi lệ. Hoặc thời tâm tránh, hữu sở khuể nộ. Hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán. Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại. Tuy bất lâm thời, ưng cấp tướng phá.*

Thế gian nhân dân, cha con, anh em, chồng vợ, thân thuộc, hãy nên kính yêu nhau, chớ nên ganh ghét. Kẻ có chia sẻ cho người không, đừng nên tham tiếc. Lời lẽ, vẻ mặt thường hòa nhã, đừng chống trái nhau, hoặc có lúc tâm tranh đua, hoặc là nóng giận, đến đời sau sẽ chuyển thành rất nặng nề, đến nỗi thành đại oán. Chuyện trong thế gian sẽ biến thành tai họa. Tuy chẳng xảy đến ngay, hãy gấp nên nghĩ cách trừ khử.

### Giải:

Đoạn kinh này khuyên dạy người đời đối với thân thuộc phải nên hòa kính, vì nếu chẳng hòa kính sẽ trở thành oán thù.

“Kính ái” (敬愛) là cung kính và từ ái, “tăng tật” (憎嫉) là ghét bỏ và ganh tị. “Hữu vô tương thông”: Chữ “tương thông” (相通) ngụ ý chia sẻ tài vật, đem thứ mình có để giúp đỡ cho người không có. “Ngôn sắc” (言色) là ngôn ngữ và vẻ mặt. “Vi” (違) là trái nghịch, “lệ” (戾) là kinh chống, tàn nhẫn. Sách Hội Sớ nói: “Giọng vui vẻ chẳng nóng giận, lời lẽ chẳng chống trái, gay gắt, ôn hòa, khiêm cung. Mặt chẳng cau có thì gọi là thường hòa hoãn”. Như vậy, “ngôn sắc thường hòa” (vẻ mặt, lời nói thường hòa hoãn) chính là như ở phần trên kinh đã dạy “hòa nhan ái ngữ” vậy.

Trên đây, Phật đã khuyên thường hòa hoãn, tiếp theo, Phật dạy nếu bất hòa sẽ kết thành đại oán. Chữ “tránh” (諍) trong câu “hoặc thời tâm tránh” (hoặc có lúc tâm tranh chấp nhau) nghĩa là tranh chấp. Sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa giảng “tránh” là “kiện tụng”.

Sách Hội Sớ bảo: “Thói đời lúc bình thường vốn chẳng phần hận, chợt gặp cảnh trái nghịch nên bất thành linh tranh chấp nhau nên mới bảo là ‘hoặc thời’ (hoặc có lúc)”. Có lúc chợt khởi lên cái tâm đấu đá, kiện cáo, tranh chấp nhau nên mới nói là “hoặc thời tâm tránh”.

“Khuể nộ” (恚怒) là nóng nảy, phần nộ. Giận dữ là một trong tam độc. Một khi tâm sân lên thì tạo thành mối hận nhỏ, oan oan tương

báo không lúc nào thôi. Kẻ oán ghét thường chạm mặt nhau, sát hại lẫn nhau, càng lúc thêm dữ dội nên kinh mới bảo: “*Hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán*” (Đời sau càng chuyển thành nặng nề đến nỗi thành mối oán hận lớn) như vua Lưu Ly vì muốn báo thù cái oán đời trước mà giết hại cả dòng họ Thích.

“*Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại*” (Sự trong thế gian càng thêm tai hại) là những sự báo oán trong thế gian tạo thành họa hại. Đã tạo nghiệp nhân, ắt kết thành ác quả. Vì sự báo ứng chẳng lập tức hiển hiện ngay trong hiện tại nên kinh mới nói “*tuy bất lâm thời*” (tuy chẳng thấy ngay lập tức), nhưng nhân quả chẳng hư, quyết sẽ báo ứng trong đời sau nên kinh mới nói: “*Ứng cấp tương phá*” (Phải gấp nghĩ cách phá đi). Chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân là vậy!

### **Chánh kinh:**

人在愛欲之中，獨生獨死，獨去獨來，苦樂自當，無有代者。善惡變化，追逐所生，道路不同，會見無期。何不於強健時，努力修善，欲何待乎？

*Nhân tại ái dục chi trung, độc sanh độc tử, độc khứ độc lai, khổ lạc tự đương, vô hữu đại giả. Thiện ác biến hóa, truy trục sở sanh, đạo lộ bất đồng, hội kiến vô kỳ. Hà bất ư cường kiện thời, nỗ lực tu thiện, dục hà đãi hồ?*

Trong ái dục, con người sanh một mình, chết một mình. Một mình đến, một mình đi, khổ vui tự chịu lấy, chẳng ai thế cho. Thiện, ác biến hóa theo đuổi đến từng kiếp sống. Đường lối bất đồng, không dịp gặp gỡ. Sao chẳng ngay trong lúc còn khỏe mạnh, nỗ lực tu thiện, còn muốn đợi đến khi nào?

### **Giải:**

Đoạn này, Phật khuyến dụ người đời bỏ ác tu thiện.

“*Ái dục*” là tình ái và tham dục; ái dục chính là cội gốc sanh tử. Ái chẳng nặng chẳng đọa Sa Bà! Toàn thể người đời chìm đắm trong ái dục cho nên chết đây sanh kia, lưu chuyển vô cùng. Dầu cho quyến thuộc đầy nhà nhưng lúc sanh tử: Sinh thì trở một thân đi đến, chết thì riêng một mình ta ra đi, chẳng có ai theo, không ai thay được. Vì

thế, kinh nói: “*Độc sanh độc tử, độc khứ độc lai*” (Sanh một mình, chết một mình; một mình đến, một mình đi).

Câu “*khổ lạc tự đương, vô hữu đại giả*” ý nói: Quả báo sướng hay khổ đều do tự mình tạo, tự mình hưởng, cũng không ai khác thay thế được. Ngài Cảnh Hưng nói: “*Tự đương tức là tự mình nhận lấy*”.

Câu “*thiện ác biến hóa*” được ngài Cảnh Hưng giảng như sau: “*Thiện biến hóa chính là quả báo trong đường lành. Ác biến hóa là quả báo trong đường ác*”.

Sách Hội Sớ nói: “*Đời này tuy là thiện quả, nhưng tạo nghiệp nhân ác thì đời sau sẽ chiêu cảm, biến thành tai ương. Đời này tuy là ác quả nhưng làm lành thì đời sau sẽ hưởng phước báo. Thiên biến vạn hóa chẳng thể nói trọn*”. Đây lại là một cách giải thích khác của chữ “*biến hóa*”. Ngài Gia Tường lại giảng: “*Nhân ác chịu khổ, nhân lành hưởng vui. Quả báo nhanh chóng*”.

“*Truy trục sở sanh*”: “Trục” (逐) là đuổi theo, [“*truy trục sở sanh*”] nghĩa là sanh về đâu quả báo cũng đuổi theo ngay đó, chẳng hề bỏ rời. Tùy theo nghiệp nhân mà cảm được quả báo thiện hay là ác.

Gia Tường Sớ giảng câu “*đạo lộ bất đồng*” như sau: “*Làm lành thì quả báo chôn thiên đường chờ sẵn. Làm ác thì núi đao rừng kiếm đón chờ*”. Nhân quả mỗi người sai khác nên sẽ sanh về những nơi khác xa nhau. Bởi vậy, lúc lâm chung chia tay nhau trọn thành vĩnh biệt. Một phen chịu báo trong tam đồ là cả năm ngàn kiếp, trôi lăn trong sáu nẻo, biết ngày nào gặp lại nhau. Dầu có trùng phùng cũng chẳng hề nhận biết nổi nhau nên mới nói: “*Hội kiến vô kỳ*” (Không dịp gặp gỡ).

Bởi vậy, đức Thế Tôn xót thương cảnh tình khuyên lơn người đời sao chẳng ngay lúc mạnh khỏe hãy “*nỗ lực tu thiện*” chứ còn đợi đến khi nào nữa? Người già thể xác suy yếu, khó bề siêng tu như kinh Niết Bàn đã bảo: “*Ca Diếp! Thí như cam giá, ký bị áp dĩ, tế vô phục vị. Tráng niên thịnh sắc, diệc phục như thị. Ký bị lão áp, vô tam chủng vị: Nhất, xuất gia vị. Nhị, độc tụng vị. Tam, tọa Thiên vị*” (Này Ca Diếp! Ví như cây mía đã bị ép, bã mía chẳng còn vị gì. Tuổi trẻ khỏe mạnh cũng giống như thế, khi bị tuổi già ép thì chẳng còn có ba thứ vị: một là vị xuất gia, hai là vị đọc tụng, ba là vị tọa Thiên).

Tuổi già mất cả ba thứ vị như vậy nên phải gấp rút nỗ lực, chớ nên chần chừ.



### Chánh kinh:

世人善惡自不能見，吉凶禍福，競各作之。身愚神闇，轉受餘教。顛倒相續，無常根本。蒙冥抵突，不信經法。心無遠慮，各欲快意。迷於瞋恚，貪於財色。終不休止，哀哉可傷！先人不善，不識道德，無有語者，殊無怪也。死生之趣，善惡之道，都不之信，謂無有是。更相瞻視，且自見之。或父哭子，或子哭父，兄弟夫婦，更相哭泣。

*Thế nhân thiện ác tự bất năng kiến, cát hung họa phước, cạnh các tác chi. Thân ngu thần ám, chuyển thọ dư giáo, điên đảo tương tục, vô thường căn bản. Mông minh để đột, bất tín kinh pháp. Tâm vô viễn lự, các dục khoái ý. Mê u sân khuể, tham u tài sắc, chung bất hưu chỉ, ai tai khả thương! Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã. Tử sanh chi thú, thiện ác chi đạo, đô bất chi tín, vị vô hữu thị. Cảnh tương chiêm thị, thả tự kiến chi. Hoặc phụ khốc tử, hoặc tử khốc phụ, huynh đệ phu phụ, cảnh tương khốc khắp.*

Người đời chẳng thể tự thấy thiện ác, cát, hung, họa, phước, tranh nhau mà làm. Thân ngu dốt, tinh thần tối tăm, đâm ra tin nhận các giáo lý khác, điên đảo tiếp nối. [Do] căn bản vô thường [nên] mù mịt, tối tăm, càn rỡ, chẳng tin kinh pháp, tâm chẳng lo xa. Ai nấy chỉ muốn khoái ý, mê man nóng giận, tham lam tài sắc, trọn chẳng ngừng nghỉ. Ôi! Đáng thương thay! Người đời trước chẳng lành, chẳng biết đạo đức; [cha ông] không bàn đến [thì con cháu chẳng biết gì] thật chẳng có gì là lạ! Nẻo sanh tử, đường thiện ác đều chẳng tin tưởng, nói là ‘đời nào có!’ Hãy quan sát xem để tự thấy biết lấy: Nào cha khóc con, hoặc con khóc cha. Anh, em, chồng, vợ khóc thương lẫn nhau.

### Giải:

Cả phẩm kinh này chỉ rõ chúng sanh trong uế độ này ba độc lấy lòng, tạo ác đáng buồn! Đoạn đầu tiên nói về tham độc “*bản phú đồng nhiên, ưu khổ vạn đoan*” (giàu nghèo đều vậy, lo khổ muôn mối); đoạn kế đó nói về sân độc “*chí thành đại oán*” (đến nổi thành mối oán hận lớn). Đoạn này giảng về si độc: “*Thân ngu thần ám, bất tín kinh pháp, thiện ác chi đạo, đô bất chi tín*” (Thân ngu dốt, tinh thần tối tăm, chẳng

tin kinh pháp, đường thiện hay ác đều chẳng tin tưởng). Cái họa si độc làm thương tổn huệ mạng của con người. Si độc chính là cái gốc của cả ba độc, vì thế nó gây hại rất sâu. Đoạn kinh này ý nói: Người đời ngu si, chẳng biết thế nào là thiện, thế nào là ác, cứ theo ý mình phân biệt càng sai quấy thêm; chẳng thể tin nổi quy luật thường hằng nhân quả thiện ác trong ba đời nên kinh nói: *“Thế nhân thiện ác, tự bất năng kiến”* (Người đời chẳng thể tự thấy thiện ác). Đã chẳng biết nhân lại chẳng sợ quả, chỉ cốt khoái ý chốc lát, chẳng sợ hậu hoạn vô cùng. Phóng túng càn rỡ, mặc sức làm ác, đua nhau gây nhân ác, chẳng đoái hoài hung họa trong tương lai nên kinh mới bảo: *“Cát hung họa phước, cạnh các tác chi”* (Cát, hung, họa phước tranh nhau mà làm).

Ngài Gia Tường lại giảng: *“Người đời cho rằng lúc chết, vì cúng tế mà sát sanh là hung, những dịp như cưới gả v.v... là cát. Đối với hai việc này, người đời đua nhau mà làm”*. Ý nói: Cát, hung là nhân; họa phước là quả. Sát sanh để cúng tế là hung, sát nghiệp cảm lấy quả báo trong tam đồ nên là họa. Người đời cho rằng cưới gả là cát, nhưng chẳng biết do vui mừng mà sát sanh thì lại trở thành hung sự, chiêu cảm cái họa vô cùng trong tương lai. Ấy là vì người đời chẳng hiểu dù thiện hay ác đều chiêu cảm quả báo.

Sách Gia Tường Sớ giảng câu *“thân ngu, thân ám”* như sau: *“Do thân tạo ác nên bảo là thân ngu, tâm chẳng tin nên bảo là thân ám”*. Còn Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: *“Thân ngu, thân ám là tâm ý bé tắc, chẳng thể tự thấy nổi chuyện thiện ác sanh tử”*. Như vậy, ngu dốt, tối tăm chính là si độc.

Do ngu si nên tâm ý bé tắc chẳng thể chánh tín nhân quả, chẳng thể tin nhận kinh pháp hòng nhập chánh đạo. Ngược lại, càng dễ đắm ra tin thờ các tà thuyết ngoại đạo. Bởi thế, kinh nói: *“Chuyển thọ dư giáo”* (Đắm ra tin nhận các giáo lý khác). Thấy biết điên đảo như thế liên tục chẳng dứt, chìm đắm mãi mãi trong sanh tử; nhưng nguồn gốc của những tà kiến ấy lại chính là si nghiệp. Sanh tử vô thường là do si làm cội gốc. Kinh gọi đó là: *“Vô thường căn bản”*.

*“Mông minh để đột”*: *“Mông”* (蒙) là dấu có tròng mắt mà chẳng thấy gì. Ngài Cảnh Hưng bảo: *“Mù mịt lại càng thêm mù mịt. Mù mịt là vì bị che lấp nên chẳng sáng suốt. Tối tăm là do ám muội chẳng hiểu biết”*. *“Đế”* (抵) là như con thú dùng sừng húc các vật, *“đột”* (突) là xông thẳng vào.

Ngài Nghĩa Tịch giảng câu “*mông minh để đột*” như sau: “[*Câu này*] ý nói chẳng hiểu biết gì, đừng việc là làm càn như đưa trẻ đi đêm, như chó dại chạy quàng, không điều gì không làm”. Do ngu muội, tầm tối nên chẳng hiểu nghĩa kinh; quen tánh hung hăng, thích xung đột nên chẳng thể tin nhận nổi kinh pháp. Do vậy, “*tâm vô viễn lộ, các dục khoái ý*” (tâm chẳng lo xa, chỉ cốt khoái ý). Sách Hội Sớ viết: “*Chẳng quan tâm đến đời sau, chỉ cầu cái vui hiện tại nên bảo là ‘các dục khoái ý’ (ai nấy chỉ muốn khoái ý)*”. Ôm lòng giận dữ, tham tài hiểu sắc chẳng lúc nào ngơi nên Phật mới than: “*Ai tai khả thương*” (Buồn thay đáng thương).

Câu “*Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức*” (Người đời trước chẳng lành, chẳng biết đạo đức) ngụ ý: Đời cha ông ngu si. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Trọn chẳng làm lành nghĩa là vô hạnh. ‘Bất thức đạo đức’ là chẳng hiểu biết*”. Đã không hiểu biết lại còn vô hạnh thì thật là ngu si cùng cực. Đời này tiếp nối đời kia, những lời cha dạy con toàn là tà thuyết, chẳng bàn đến quả báo thiện ác nên kinh mới bảo: “*Vô hữu ngữ giả*” (Chẳng nói gì đến). Cha ông si độn, ngoan cố thì con cháu vô tri là chuyện tất nhiên nên kinh mới bảo: “*Thù vô quáĩ dã!*” (Thật chẳng có gì là lạ).

Tịnh Ảnh Sớ giảng câu “*sanh tử chi thú, thiện ác chi đạo*” (nẻo sanh tử, đường thiện ác) như sau: “*Chẳng thể tự thấy nẻo sanh tử là chẳng biết quả. Chẳng thể tự thấy đường thiện ác là chẳng hiểu nhân. Tự tâm chẳng biết cả nhân lẫn quả, lại không ai bảo cho nên trọn chẳng hiểu biết*”. Bởi thế mới “*đồ bất chi tín, vị vô hữu thị*” (đều chẳng tin nổi, nói là chẳng có). Nếu chẳng biết việc sanh tử thì cứ tự xem đi: Cha con, anh em, chồng vợ bị cái chết chia lìa, thương khóc lẫn nhau, có ai tránh khỏi đâu!

### **Chánh kinh:**

一死一生，迭相顧戀。憂愛結縛，無有解時。  
思想恩好，不離情欲。不能深思熟計，專精行道。  
年壽旋盡，無可奈何。

***Nhất tử nhất sanh, diệt tương cố luyến, ưu ái kết phược, vô hữu giải thời, tư tưởng ân hảo, bất ly tình dục. Bất năng thâm tư thực kế, chuyên tinh hành đạo. Niên thọ toàn tận, vô khả nại hà.***

**Một chết, một sống, bịn rịn, luyến tiếc nhau. Ưu khổ thất buộc, không lúc nào tháo nổi. Nghĩ tưởng [những niềm] ân ái, yêu mến, chẳng lìa tình dục, chẳng thể suy sâu nghĩ chín, chuyên ròng hành đạo. Tuổi thọ chớp mắt là hết, biết làm sao đây!**

### **Giải:**

Người đời ngu si, tham ái, chẳng biết muôn sự trong đời đều như huyễn mộng, như hoa đóm trên không, làm tưởng thật có; nào hay vô thường vùn vụt, chẳng thể giữ mãi nổi. Lúc sanh càng yêu mến, lúc chết càng bội phần xót xa. Lúc mất: Kẻ còn sống thương xót thân nhân từ nay vĩnh biệt; kẻ chết thương mình ra đi vĩnh viễn, lưu luyến nhau khó thể bỏ nổi, như mũi dao xoáy vào tim. Bởi thế, kinh nói: “*Nhất tử nhất sanh, diệt tương cố luyến*” (Một sống, một chết, bịn rịn, luyến tiếc nhau).

Những ân ái xưa kia nay thành ưu khổ, hai điều này trói buộc thân tâm như dây thắt chặt mối, chẳng thể thoát ra nổi nên kinh bảo: “*Ưu ái kết phược, vô hữu giải thời*” (Lo khổ, yêu thương thất buộc, chẳng lúc nào tháo ra nổi). Mà “*kết phược*” chính là phiền não. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương chép: “*Phiền não, ám Hoặc (phiền não si ám) trói buộc hành nhân nên gọi là Kết. Nó lại ràng buộc cái tâm nên gọi là Kết vì nó kết tập hết thủy sanh tử*”. Như vậy, vướng vít vào tình ái thì liền bị sanh tử buộc ràng, chẳng có lúc nào thoát khỏi.

“*Tư tưởng ân hảo*” (Nghĩ tưởng [những điều] ân ái, yêu thích): Xét tận cội nguồn, những điều người đời yêu quý thật sự là do tình dục mà chẳng biết rằng “*Dục là cội khổ*”, “*thuần tình ắt đọa*”. Nếu đối với những điều ấy, ta chẳng thể “*thâm tư thực kế*” (suy sâu, nghĩ chín) để nhất tâm tu đạo hòng cầu giải thoát thì nháy mắt vô thường xộc đến, thọ mạng chấm dứt, đến lúc ấy, làm sao bươn bả, kêu van gì nổi!

Mạng người trong hơi thở nên kinh mới bảo: “*Niên thọ toàn tận*” (Tuổi thọ chớp mắt là hết). “*Toàn tận*” (旋盡) là nháy mắt đã hết.

### **Chánh kinh:**

惑道者眾，悟道者少。各懷殺毒，惡氣冥冥。  
為妄興事，違逆天地。恣意罪極，頓奪其壽。下入惡道，無有出期。

*Hoặc đạo giả chúng, ngộ đạo giả thiểu, các hoài sát độc, ác khí minh minh. Vi vọng hưng sự, vi nghịch thiên địa. Tứ ý tội cực, đốn đoạt kỳ thọ. Hạ nhập ác đạo, vô hữu xuất kỳ.*

Kẻ làm lẫn nơi đạo rất nhiều, kẻ ngộ đạo lại ít. Ai nấy ôm lòng sát hại, độc ác, ác khí mịt mù, làm chuyện sai quấy trái nghịch thiên địa, mặc tình phóng túng tạo tội cùng cực; tuổi thọ chợt bị đoạt mất, lọt xuống ác đạo chẳng có thuở ra.

### Giải:

Đoạn kinh này giảng về cái họa do từ si mê mà khởi lên sân hận.

Trong ba ác nghiệp, sân nghiệp là nhân của địa ngục. Có câu: “*Nhất điểm sân tâm hỏa, năng thiêu công đức lâm*” (Một đốm lửa sân tâm thiêu trụi rừng công đức). Người đời ít kẻ tinh ngộ chánh đạo, lắm kẻ mê hoặc nên lòng luôn ôm ấp ý giết hại, độc địa, tàn hại mạng người khác. Ác khí hùng hực, từ chỗ tối vào trong chỗ tối nên kinh mới nói “*ác khí minh minh*” (ác khí mịt mù).

“*Minh minh*” (冥冥) lại có nghĩa là tối tăm, vô tri, đêm tối. Làm cái gì cũng sai lầm nên kinh bảo “*vi vọng hưng sự*” (làm chuyện sai quấy), bởi thế mới “*vi nghịch thiên địa*” (trái nghịch thiên địa). Ngài Gia Tường bảo: “*Trên chẳng thuận lòng trời, dưới nghịch ý Diêm La vương*”.

Mặc lòng tạo ác như thế nên kinh bảo là “*tứ ý*” (恣意: mặc tình phóng túng). Suốt ngày tạo tội ngấp trời nên bảo là “*tội cực*” (tội cùng cực). Bởi đó, bị tội nghiệp lôi kéo nên chẳng đợi đến khi tuổi thọ hết đã bị mất mạng “*hạ nhập ác đạo*” (rớt xuống ác đạo).

“*Đoạt*” (奪) là cưỡng lấy, làm cho mất hẳn đi. Mạng sống đột ngột bị mất đi nên mới nói là: “*Đốn đoạt kỳ thọ*” (Tuổi thọ chợt bị đoạt mất). Ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Do si khởi sân, tàn hại lẫn nhau, ai nấy ôm lòng giết chóc. Ác độc, ác khí mù mịt, làm các điều quấy*”.

Ngài lại bảo: “*Kẻ tạo tội ác do sức tức nghiệp sẽ tự nhiên chiêu cảm ác duyên phi pháp, thuận theo [những ác duyên ấy] mặc sức tạo tội. Cho đến khi tội tới mức cùng cực sẽ đọa ác đạo, chịu khổ vô cực*”.

Ý nói: Người đời do ngu si nên sanh tâm sân hận mà giết chóc, tàn hại lẫn nhau, mặc tình làm ác; ôm lòng độc ác, chỉ làm các điều xằng bậy. Kẻ tạo tội như thế do nghiệp lực tội ác của đời trước sẽ mặc sức làm ác. Tới khi sự ác ngấp đầu, quả báo ắt sẽ hiển hiện nên đột nhiên bị

chết mất đi, đọa lạc trong ba ác đạo, chịu lấy quả báo chẳng có cùng cực, không biết khi nào mới thoát nổi nên kinh nói: “*Vô hữu xuất kỳ*” (Chẳng có thuở ra).

### **Chánh kinh:**

若曹當熟思計，遠離眾惡。擇其善者，勤而行之。愛欲榮華，不可常保，皆當別離，無可樂者。當勤精進，生安樂國。智慧明達，功德殊勝。勿得隨心所欲，虧負經戒，在人後也。

*Nhược tào đương thực tư kế, viễn ly chúng ác, trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi. Ái dục vinh hoa, bất khả thường bảo, giai đương biệt ly, vô khả lạc giả. Đương cần tinh tiến, sanh An Lạc quốc. Trí huệ minh đạt, công đức thù thắng. Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã.*

Các người hãy nên suy nghĩ chín chắn, xa lìa các ác, chọn lựa điều thiện để siêng năng thực hành. Ái dục, vinh hoa chẳng thể giữ mãi được, đều sẽ biệt ly, chẳng thể vui nổi. Phải nên siêng tinh tấn sanh sang cõi An Lạc. Trí huệ minh đạt, công đức thù thắng. Đừng chạy theo điều ham muốn trong tâm mà khiêm khuyết kinh giới, tụt hậu sau người khác.

### **Giải:**

Đoạn cuối này là lời khuyên chung: Dứt ác làm lành, cầu sanh Cực Lạc. “*Nhược tào*” là “*nhữ đấng*” (các ông). “*Thực tư kế*” là như ta thường nói “suy sâu, nghĩ chín”.

Toàn bộ đoạn kinh từ chữ “*ái dục, vinh hoa*” đến “*vô khả lạc giả*” (chẳng thể vui nổi) được sách Hội Sớ giảng như sau: “*Vinh hoa chẳng thể giữ nổi, hội hợp rồi nhất định ly tán. Ái dục chẳng thường còn, thịnh rồi ắt có suy. Diên đảo làm tướng là vui nên [những điều ấy] chẳng đáng ưa thích*”.

Ông Bàn Tế Thanh bảo: “*Hết thấy người đời coi dục là vui, chẳng biết đó là khổ. Người trí xem thấy chỉ toàn là khổ, không chút vui nào. Vì sao vậy? Cứ coi Có là vui, Không là khổ, nào hay Có chính cái nhân của Không. Xem ‘được’ là vui, coi ‘mất’ là khổ, nào hay ‘được’ chính là cái nhân của ‘mất’. Coi tụ tập là vui, tan lìa là khổ, nào hay tụ*

*tập là cái nhân của tan lìa. Coi sanh là vui, coi diệt là khổ, nào hay sanh chính là cái nhân của diệt”.*

Ý nói: Những điều chúng sanh tưởng là vui thật ra chính là cái nhân tạo khổ. Từ cái nhân tạo khổ ấy ắt phải sanh ra quả khổ nên bảo là “*vô khả lạc giả*” (chẳng thể vui nổi).

Tiếp đó, Phật khuyên nên tinh tấn cầu sanh Cực Lạc. Được sanh về cõi ấy rồi thì ai nấy ắt đều “*trí huệ minh đạt, công đức thù thắng*”. “*Minh*” (明) là hiểu rành rẽ, “*đạt*” (達) là thông đạt. Tịnh Ảnh Sơ giảng: “*Trí huệ minh đạt là đạt được trí huệ thù thắng. Công đức thù thắng là được phước thù thắng*”. Trí lẫn phước đều thù thắng nên Phật khuyên người đời siêng năng cầu vãng sanh. Thật đúng là: “*Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã*” (Đừng chạy theo điều ham muốn trong tâm mà khiếm khuyết kinh giới, tụt hậu sau người khác). “*Khuy*” (虧) là khuyết, “*phụ*” (負) là thiếu. “*Kinh*” (經) là kinh giáo, “*Giới*” (戒) là giới hạnh. Ở đây, Phật đặc biệt khuyên ta nên trì giới bởi Giới là nền tảng của muôn hạnh.

“*Vật đắc tùy tâm*” (Đừng chạy theo cái tâm) là như kinh Niết Bàn dạy: “*Thường vi tâm sư, bất vị sư tâm*” (Thường làm thầy của cái tâm chứ đừng để cái tâm làm thầy mình), nghĩa là: Nếu để cho cái tâm sai khiến được mình thì hành nhân mắc sai lầm lớn. Ấy là vì cái vọng tâm này chính là cội rễ sanh tử, tuân theo cái vọng tâm này thì khác nào nhận giặc làm con, toan nấu cát thành cơm, làm sao ăn nổi? Lẽ đâu rong ruổi theo tâm tánh làm điều càn quấy hay sao? Câu kinh sau đây trong kinh Tứ Thập Nhị Chương: “*Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín*” (Cẩn thận đừng tin tâm ý của người, tâm ý người không thể tin nổi!) có cùng một ý nghĩa với câu kinh ở đây. “*Tại nhân hậu dã*” (Tụt hậu sau người khác) là thua người khác vậy.